

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi chung là năng suất chất lượng) trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở... vào tăng trưởng kinh tế, góp phần phát triển nền kinh tế của tỉnh theo hướng bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Xây dựng phong trào năng suất chất lượng thông qua việc xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng kết hợp với áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng hiện đại, đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu;

- Nâng cao nhận thức, năng lực cải tiến của các doanh nghiệp trên địa bàn về năng suất và chất lượng;

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia về năng suất chất lượng và các tổ chức đánh giá sự phù hợp để hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia Kế hoạch thực hiện các hoạt động năng suất chất lượng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021-2025

- Xác định danh mục sản phẩm, hàng hoá chủ lực; Danh mục các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực; đánh giá thực trạng hoạt động cải tiến năng suất, chất lượng và cơ hội triển khai kế hoạch cải tiến năng suất chất lượng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn năm 2021;

- Đến năm 2025, 60% các sản phẩm, hàng hoá trọng điểm của tỉnh công bố áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn khu vực. Trong đó, 100% các sản phẩm hàng hoá bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy thực hiện việc chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy. Phần đầu mỗi năm có từ 1-2 doanh nghiệp tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia;

- Đến năm 2025, tối thiểu 60% các doanh nghiệp sản xuất/cung cấp sản phẩm, hàng hoá trọng điểm triển khai các dự án nâng xuất chất lượng; trong đó tối thiểu 50% triển khai các công cụ/phương án cải tiến năng suất, chất lượng (Ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học, đổi mới công nghệ; áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng tiên tiến; xây dựng thương hiệu, xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến...);

- Xây dựng 10 doanh nghiệp điển hình toàn diện (thuộc nhóm doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm hàng hoá trọng điểm) về cải tiến năng suất chất lượng tổng hợp. Các doanh nghiệp điển hình đạt được mức tăng năng suất của từng nhân tố thành phần đạt 35% vào năm 2025;

- Đến năm 2025, 100% cán bộ chuyên môn của các sở, ban, ngành tham gia Kế hoạch được đào tạo, tập huấn về các công cụ cải tiến năng suất chất lượng hiện đại;

- Đến năm 2025, 100% các doanh nghiệp sản xuất/cung cấp sản phẩm, hàng hoá trọng điểm có nhân lực được đào tạo, tập huấn về công cụ cải tiến năng suất chất lượng hiện đại;

- Hình thành mạng lưới năng suất chất lượng của tỉnh với đại diện của tối thiểu 50% doanh nghiệp sản xuất/cung cấp sản phẩm, hàng hoá trọng điểm. Hàng năm tổ chức hội nghị thường niên để triển khai Kế hoạch;

- Đến năm 2022 xây dựng và duy trì hoạt động của 01 cổng thông tin năng suất chất lượng của tỉnh là nơi quảng bá, chia sẻ thông tin, kiến thức và sinh hoạt của mạng lưới năng suất chất lượng. Xây dựng kho dữ liệu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam và Quốc tế cho các sản phẩm trọng điểm của tỉnh;

- Xây dựng và phát sóng tối thiểu 02 chương trình truyền hình/năm về phong trào năng suất chất lượng;

- Nâng cao nhận thức, kiến thức về năng suất chất lượng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các doanh nghiệp;

- Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; chuyên gia đánh giá chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng có năng lực và chứng chỉ hành nghề;

- Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh có năng lực và chứng chỉ hành nghề.

b) Giai đoạn 2026-2030

- Đến năm 2030, 100% các sản phẩm, hàng hoá trọng điểm của tỉnh công bố áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiêu chuẩn khu vực. Trong đó, 100% các sản phẩm hàng hoá bắt buộc phải chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy thực hiện việc chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy;

- Đến năm 2030, 100% các doanh nghiệp sản xuất/cung cấp sản phẩm, hàng hoá trọng điểm triển khai kế hoạch nâng suất chất lượng; trong đó tối thiểu 80% triển khai các công cụ/phương án cải tiến năng suất, chất lượng, trong đó số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 cấp cho doanh nghiệp tăng ít nhất 30% so với giai đoạn 2021-2025; có ít nhất 20 doanh nghiệp được hướng dẫn áp dụng đồng bộ các giải pháp năng suất chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ nhân rộng trên địa bàn tỉnh;

- Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch, thu hút, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động tại các doanh nghiệp;

- Tổ chức, phối hợp đào tạo đội ngũ chuyên gia năng suất chất lượng của địa phương. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động.

- Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; chuyên gia đánh giá chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng có năng lực và chứng chỉ hành nghề;

- Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh có năng lực và chứng chỉ hành nghề.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng sản xuất sản phẩm chủ lực, thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý chất lượng của doanh nghiệp và định hướng phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh Lào Cai.

a) Khảo sát, đánh giá hiện trạng việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng sản xuất, thực trạng năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hoá, thực trạng quản lý chất lượng sản phẩm chủ lực của các doanh nghiệp trên toàn tỉnh;

- Xây dựng danh mục hàng hoá chủ lực và danh mục doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng hoá chủ lực trên địa bàn tỉnh;

- Định hướng phát triển sản phẩm hàng hoá chủ lực đến năm 2025.

b) Mở 20 lớp thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn về công tác tiêu chuẩn hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp cho các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước

- Tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn áp dụng đồng bộ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, trong đó lưu ý tới các tiêu chuẩn quốc gia mới ban hành, các tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế;

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn sản phẩm của nước ngoài hoặc khu vực, ưu tiên các loại hàng hóa trọng điểm hoặc hàng hóa phục vụ xuất khẩu;

- Tổ chức các lớp đào tạo trong và ngoài nước nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đánh giá sự phù hợp có năng lực đáp ứng hoạt động đánh giá sự phù hợp của tỉnh;

2. Công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng, hỗ trợ xây dựng áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến để nâng cao năng suất chất lượng của các doanh nghiệp tỉnh Lào Cai.

Thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn về xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến nhằm nâng cao năng suất chất lượng:

- Mở 05 khoá đào tạo, tập huấn về các hệ thống quản lý chất lượng như: ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, GMP, SA 8000, HACCP, TQM ...;

- Mở 05 khoá đào tạo, tập huấn về các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tiên tiến quốc tế như: OHSAS 1800, ISO/TS16949, ISO/IEC 2700...;

- Mở 05 khoá đào tạo, tập huấn về các công cụ cải tiến phổ biến trên thế giới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng như: Kaizen- 5s; Learn 6 sigma; QCC, CMR; Kaizen- 3S...;

- Mở 05 khoá đào tạo về Giải thưởng chất lượng Quốc Gia;

- Hướng dẫn tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu cho 05 doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế.

- Hướng dẫn 20 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương xây dựng dự án năng suất và chất lượng của doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp đăng ký tham gia các hoạt động về năng suất chất lượng của địa phương;

- Xây dựng và phát sóng tối thiểu 02 chương trình truyền hình/năm về phong trào năng suất chất lượng;

- Thường xuyên cập nhật Thông tin, đào tạo tập huấn về các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến mới được đưa vào áp dụng trên thế giới lên Website năng suất chất lượng của tỉnh;

3. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

a) Hỗ trợ cho các doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến

- Hỗ trợ 100 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn (chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia) cho sản phẩm, hàng hoá chủ lực;
- Hỗ trợ 10 doanh nghiệp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho sản phẩm hàng hoá trọng điểm xuất khẩu;
- Hỗ trợ 50 doanh nghiệp chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm hàng hoá bắt buộc phải chứng nhận hợp quy;
- Hỗ trợ 100 doanh nghiệp xây dựng áp dụng tiêu chuẩn cơ sở;
- Hỗ trợ 100 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 vào quản lý sản xuất, kinh doanh;
- Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ISO 14000;
- Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tiên tiến quốc tế như: OHSAS 1800, ISO/TS16949, ISO/IEC 2700;
- Hỗ trợ 20 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm HACCP;
- Hỗ trợ 05 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý ISO/ IEC 17025: 2005 vào phòng thử nghiệm chất lượng;

b) Hướng dẫn tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu cho một số doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế

- Lựa chọn 05 doanh nghiệp của tỉnh có khả năng cạnh tranh quốc tế về chất lượng, dịch vụ;
- Hướng dẫn tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu;

4. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất lao động, xây dựng đội ngũ chuyên gia đánh giá trình độ chất lượng của sản phẩm hàng hoá; đo lường năng suất chất lượng địa phương.

- Lựa chọn và thành lập nhóm chuyên gia về đánh giá trình độ chất lượng của sản phẩm, hàng hoá; đo lường năng suất;
- Phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đào tạo, tập huấn về các chỉ tiêu đánh giá, nội dung và kỹ năng đánh giá cho các chuyên gia năng suất của tỉnh;
- Thực hiện thống kê, đánh giá các chỉ tiêu về năng suất chất lượng tại các doanh nghiệp, các ngành;
- Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả đánh giá trước, trong và khi kết thúc dự án;
- Phối hợp với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức đào tạo năng lực cho nhóm chuyên gia đánh giá. Lựa chọn và thành lập nhóm chuyên

gia đánh giá trình độ công nghệ từng lĩnh vực của tỉnh để cử đào tạo (đào tạo 30 chuyên gia);

- Lựa chọn và thành lập nhóm chuyên gia đánh giá chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá từng lĩnh vực; đánh giá chứng nhận sự phù hợp hệ thống quản lý chất lượng của tỉnh;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự toán kinh phí: Tổng kinh phí: **35.100** triệu đồng

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Sự nghiệp khoa học và công nghệ; lồng ghép với chương trình mục tiêu quốc gia; vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trong đó:

- Sự nghiệp khoa học và công nghệ: **15.100** triệu đồng.
- Nguồn vốn của doanh nghiệp đóng góp: **20.000** triệu đồng.

Dự kiến kinh phí phân kỳ đầu tư như sau:

- Giai đoạn 1 (2021-2025): 18.450 triệu đồng

- + Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 8.050 triệu đồng.
- + Nguồn vốn của doanh nghiệp đóng góp: 10.400 triệu đồng.

- Giai đoạn 2 (2026-2030): 16.650 triệu đồng

- + Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 7.050 triệu đồng.
- + Nguồn vốn của doanh nghiệp đóng góp: 9.600 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm theo Kế hoạch)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai Kế hoạch, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- Thông tin tuyên truyền và vận động doanh nghiệp tham gia Kế hoạch.

- Dự trù kinh phí, huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi thẩm quyền, chức năng quản lý nhà nước được giao. Định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền về năng suất chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh.

4. Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo

- Tuyên truyền, vận động và đề xuất các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý tham gia Kế hoạch.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp, chủ trì đề xuất, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các nhiệm vụ thuộc kế hoạch, trong phạm vi quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan.

- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo theo yêu cầu về hoạt động nâng cao năng suất chất lượng.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ tình hình cụ thể của từng địa phương, lồng ghép nội dung thực hiện kế hoạch này vào các nhiệm vụ có liên quan; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, vận động lựa chọn doanh nghiệp tham gia kế hoạch này.

Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành có tên trong kế hoạch;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;
- CVP, PCVP2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung

PHỤ LỤC

Dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện		Thời gian thực hiện
					Vốn ngân sách NN	Vốn đối ứng DN	
I	Giai đoạn từ 2021- 2025			18.450	8.050	10.400	
1	Khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất sản phẩm chủ lực, thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quản lý chất lượng của doanh nghiệp và định hướng phát triển sản phẩm chủ của tỉnh Lào Cai.			1.050	450	600	
	- Thống kê các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh. - Đánh giá thực trạng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hoá và quản lý chất lượng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Định hướng phát triển các sản phẩm, hàng hoá chủ lực và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hàng hoá chủ lực của địa phương.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.050	450	600	Hàng năm
2	Hình thành và thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh.			7.050	3.100	3.950	
	- Hướng dẫn 20 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của địa phương xây dựng dự án	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện,	1.250	500	750	Hàng năm

	năng suất và chất lượng của doanh nghiệp và lập danh sách các doanh nghiệp đăng ký tham gia các hoạt động về NSCL của địa phương;		thị xã, thành phố				
	+ Tổ chức 05 khoá đào tạo, tập huấn về các hệ thống quản lý chất lượng như: ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, GMP, SA 8000, HACCP, TQM ...;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	550	250	300	Hàng năm
	+ Tổ chức 05 khoá đào tạo, tập huấn về các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tiên tiến quốc tế như: OHSAS 1800, ISO/TS16949, ISO/IEC 2700...;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	600	250	350	Hàng năm
	+ Tổ chức 05 khoá đào tạo, tập huấn về các công cụ cải tiến phổ biến trên thế giới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng như: Kaizen- 5s; Learn 6 sigma; QCC, CMR; Kaizen- 3S...;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	650	250	400	Hàng năm
	+ Tổ chức 05 khoá về Giải thưởng chất lượng Quốc Gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.100	500	600	Hàng năm
	+ Tuyên truyền về Năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	700	250	450	Hàng năm
	+ Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh có năng lực và chứng chỉ hành nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	700	300	400	Hàng năm
	+ Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; chuyên gia đánh giá chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng có năng lực và chứng chỉ hành nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	600	300	300	Hàng năm
	- Tổ chức 20 lớp thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn về công tác tiêu chuẩn hóa và hoạt động	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện,	900	500	400	Hàng năm

	đánh giá sự phù hợp cho các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai		thị xã, thành phố				
3	Hỗ trợ cc doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng.			10.350	4.500	5.850	
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn (chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quốc Gia) cho sản phẩm, hàng hoá chủ lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.000	400	600	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 10 doanh nghiệp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho sản phẩm hàng hoá trọng điểm xuất khẩu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.000	400	600	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm hàng hoá bắt buộc phải chứng nhận hợp quy.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	950	400	550	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp xây dựng áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	900	400	500	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 vào quản lý sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	2.200	1.000	1.200	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ISO 14000.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.100	500	600	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tiên tiến quốc tế như: OHSAS 1800, ISO/TS16949, ISO/IEC 2700;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.150	500	650	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 20 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm HACCP.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	500	200	300	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 05 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành	550	200	350	Hàng

	lý ISO/ IEC 17025: 2005 vào phòng thử nghiệm chất lượng.	học và Công nghệ	UBND các huyện, thị xã, thành phố				năm
	- Hướng dẫn tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu cho 05 doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.000	500	500	Hàng năm
II	Giai đoạn từ 2026-2030			16.650	7.050	9.600	
1	Hình thành và thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ của tỉnh.			2.750	1.150	1.600	
	+ Tuyên truyền về Năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Lào Cai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	550	250	300	Hàng năm
	+ Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá trình độ công nghệ của tỉnh có năng lực và chứng chỉ hành nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	500	200	300	Hàng năm
	+ Đào tạo 20 chuyên gia đánh giá chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy; chuyên gia đánh giá chứng nhận hệ thống Quản lý chất lượng có năng lực và chứng chỉ hành nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	550	200	350	Hàng năm
	- Tổ chức 20 lớp thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn về công tác tiêu chuẩn hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp cho các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.150	500	650	Hàng năm
2	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh nâng cao năng suất và chất lượng.			13.900	5.900	8.000	
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn (chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quốc Gia) cho sản phẩm, hàng hoá chủ lực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.400	600	800	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 10 doanh nghiệp chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn nước ngoài cho sản phẩm hàng hoá trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện,	1.350	600	750	Hàng năm

	điểm xuất khẩu.	nghệ	thị xã, thành phố				
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm hàng hoá bắt buộc phải chứng nhận hợp quy.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.300	600	700	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp xây dựng áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.250	600	650	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 100 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 vào quản lý sản xuất, kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	2.250	1.000	1.250	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ISO 14000.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.250	500	750	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 50 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tiên tiến quốc tế như: OHSAS 1800, ISO/TS16949, ISO/IEC 2700;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.250	500	750	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 20 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm HACCP.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	650	200	450	Hàng năm
	+ Hỗ trợ 05 doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý ISO/ IEC 17025: 2005 vào phòng thử nghiệm chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.900	800	1.100	Hàng năm
	- Hướng dẫn tích hợp các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất và chất lượng tối ưu cho 05 doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.300	500	800	Hàng năm
	Tổng cộng:			35.100	15.100	20.000	

(Bảng chữ: Ba mươi năm tỷ một trăm triệu đồng)